



HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ NHẪM THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU – VIỆT NAM (EVFTA)

Vũ Thị Hương*, Nguyễn Thị Lê Huyền

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Vũ Thị Hương <huongvt@hul.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 1-3-2021; Ngày chấp nhận đăng: 24-5-2021)

Tóm tắt. Ký kết Hiệp định thương mại tự do EU – Việt Nam (EVFTA) mang lại bước phát triển đột phá cho nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, các quan hệ thương mại quốc tế ngày càng phát triển kéo theo các tranh chấp thương mại quốc tế xảy ra phổ biến và đa dạng hơn. Bài báo sẽ tập trung phân tích quy định của pháp luật Việt Nam về xác định thẩm quyền của tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế, đồng thời chỉ ra một số bất cập trong việc xác định và lựa chọn pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế nhằm đảm bảo một môi trường pháp lý lành mạnh, rõ ràng và hiệu quả tạo tâm lý an tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài, cũng như các doanh nghiệp trong và ngoài nước khi tham gia vào sân chơi thương mại quốc tế.

Từ khóa: tranh chấp, thương mại quốc tế, thẩm quyền, tòa án, trọng tài, pháp luật áp dụng

Law perfection on settlement of international trade dispute to attract foreign investment under impact of European–Vietnam Free Trade Agreement

Vu Thi Huong*, Nguyen Thi Le Huyen

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Vu Thi Huong <huongvt@hul.edu.vn>

(Received: March 1, 2021; Accepted: May 24, 2021)

Abstract. The signing of the EU–Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) brings a breakthrough development step to the Vietnamese economy. However, the increasingly developed international trade relations have led to more widespread and diversified international trade disputes. The article focuses on analyzing the provisions of Vietnamese laws on determining the jurisdiction of the courts in settling international trade disputes. It also points out some shortcomings in identifying and selecting laws to apply in particular cases to ensure a healthy, clear, and effective legal environment for foreign investors and domestic and foreign businesses participating in international commerce.

Keywords: disputes, international trade, jurisdiction, court, EVFTA, legal environment

1. Mở đầu

Sau gần 30 năm chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, EU đã trở thành đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam trong nhiều lĩnh vực như thương mại, đầu tư. Việc đàm phán EVFTA bắt đầu từ tháng 6 năm 2012 là bước phát triển đột phá cho sự phát triển hợp tác giữa hai bên. Ngày 1/12/2015, trải qua 14 vòng đàm phán, EVFTA đã chính thức kết thúc đàm phán. Ngày 30/6/2019, EU và Việt Nam ký kết cả hai hiệp định EVFTA và EVIPA, mở ra cơ hội hợp tác cho cả hai bên.

Với việc ký kết Hiệp định EVFTA, dự báo sẽ có sự tác động rất lớn đến thương mại và tăng trưởng kinh tế cũng như có tác động tới đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các cam kết rộng và sâu về đầu tư của Hiệp định sẽ giúp Việt Nam tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế, hoàn thiện thể chế và môi trường kinh doanh ở Việt Nam, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư EU kinh doanh tại Việt Nam. Ngoài ra, Hiệp định EVFTA có tác động thay đổi pháp luật, thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh. Hiệp định EVFTA là cơ hội để Việt Nam tiếp tục cải cách thể chế, pháp luật theo hướng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch và dễ dự đoán hơn, từ đó thúc đẩy cả đầu tư trong nước lẫn đầu tư nước ngoài cũng như các hoạt động kinh doanh khác.

Chính vì vậy, trong trường hợp các bên lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp theo pháp luật quốc gia thì một số vấn đề đặt ra liên quan đến việc phân định thẩm quyền của tòa án và trọng tài trong các trường hợp đặc biệt và vấn đề xác định pháp luật áp dụng để giải quyết phải thật cụ thể, đầy đủ và rõ ràng, đảm bảo cho các bên tranh chấp một hệ thống pháp lý hoàn thiện và đầy đủ mang lại sự an tâm và hiệu quả cao.

2. Xác định thẩm quyền của Tòa án Việt Nam đối với các tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài trong một số trường hợp đặc biệt

Điểm c, Khoản 1, Điều 470, quy định: “vụ án kinh doanh, thương mại khác mà các bên được lựa chọn tòa án Việt Nam để giải quyết theo pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và các bên đồng ý lựa chọn tòa án Việt Nam” thì thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam.

Theo quy định tại khoản này thì chỉ khi các bên lựa chọn tòa án Việt Nam thì tòa án Việt Nam mới có thẩm quyền riêng biệt. Đây là điểm mới của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 so với quy định của Điều 411, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004.

Quy định này của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo sự thống nhất đối với các văn bản chuyên biệt khác của Việt Nam khi quy định về thẩm quyền của tòa án Việt Nam cũng như quyền thỏa thuận chọn tòa án của các bên đương sự. Tuy nhiên, vẫn còn có một số vấn đề mà cần làm rõ và có các kiến nghị hoàn thiện như sau:

Thứ nhất, trường hợp các bên vừa có thỏa thuận chọn tòa án Việt Nam, vừa có thỏa thuận lựa chọn tòa án nước ngoài hoặc trọng tài nước ngoài.

Theo quy định tại Điều 470, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, những vụ án được quy định tại Điều này thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam, theo đó chỉ có tòa án Việt Nam mới có thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp này, tòa án nước ngoài hay trọng tài nước ngoài sẽ không có thẩm quyền giải quyết. Điều 472, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định những trường hợp tòa án Việt Nam phải trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc thương mại có yếu tố nước ngoài trong những trường hợp sau:

Tòa án Việt Nam phải trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu hoặc đình chỉ giải quyết vụ án thương mại có yếu tố nước ngoài nếu vụ án đó thuộc thẩm quyền chung của tòa án Việt Nam nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Các đương sự được thỏa thuận lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật áp dụng đối với quan hệ thương mại có yếu tố nước ngoài và đã lựa chọn trọng tài hoặc tòa án nước ngoài giải quyết vụ việc đó. Trường hợp các bên thay đổi thỏa thuận lựa chọn trọng tài hoặc tòa án nước ngoài bằng thỏa thuận lựa chọn tòa án Việt Nam hoặc thỏa thuận lựa chọn trọng tài hoặc tòa án nước ngoài bị vô hiệu hoặc không thể thực hiện được, hoặc trọng tài hoặc tòa án nước ngoài từ chối thụ lý đơn thì tòa án Việt Nam vẫn có thẩm quyền giải quyết; (ii) Vụ việc không thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam và vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án nước ngoài có liên quan; (iii) Vụ việc không thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam và đã được trọng tài hoặc tòa án nước ngoài thụ lý giải quyết; (iv) Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của tòa án nước ngoài hoặc phán quyết của trọng tài. Trường hợp bản án, quyết định của tòa án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài không được tòa án Việt Nam công nhận thì tòa án Việt Nam vẫn có thẩm quyền giải quyết vụ việc đó; (v) Bị đơn được hưởng quyền miễn trừ tư pháp.

Theo đó, nếu những tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài không thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam (không liên quan đến quyền đối với bất động sản ở Việt

Nam, không có thỏa thuận lựa chọn tòa án Việt Nam) mà các bên đã thỏa thuận lựa chọn trọng tài hoặc tòa án nước ngoài thì tòa án Việt Nam sẽ đình chỉ giải quyết.

Điều 472, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đưa ra giải pháp, theo đó, một vụ việc dân sự có cùng các bên đương sự và cùng nội dung tranh chấp, yêu cầu mà việc giải quyết tranh chấp yêu cầu đó không thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam, thì tòa án Việt Nam phải từ chối thụ lý hoặc đình chỉ giải quyết khi có một trong các căn cứ xác định rằng: (i) các bên đã có thỏa thuận trọng tài hoặc đã lựa chọn tòa án nước ngoài để giải quyết; (ii) tòa án nước ngoài, trọng tài nước ngoài đã thụ lý giải quyết hoặc đã ra bản án, quyết định hoặc phán quyết; (iii) Vụ việc kinh doanh, thương mại đó thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án nước ngoài.

Như vậy, nếu các bên có thỏa thuận lựa chọn tòa án Việt Nam, đồng thời lựa chọn tòa án nước ngoài hoặc trọng tài nước ngoài thì tòa án nước ngoài, trọng tài nước ngoài không có thẩm quyền giải quyết vì trường hợp này thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam.

Điều 14, Luật Đầu tư năm 2020, về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư, quy định: Tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp được giải quyết tại trọng tài hoặc tòa án.

Đối với tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoặc giữa nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua trọng tài Việt Nam hoặc tòa án Việt Nam, trừ trường hợp tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế¹ thì chỉ được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức: Tòa án Việt Nam; Trọng tài Việt Nam; Trọng tài nước ngoài; Trọng tài quốc tế; Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập.

Đối với tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua trọng tài Việt Nam hoặc tòa án Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác theo hợp đồng hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác².

Như vậy, đối với tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoặc giữa nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua trọng tài Việt Nam hoặc tòa án Việt Nam. Trường hợp này các bên không có quyền chọn tòa án nước ngoài hoặc trọng tài nước ngoài.

¹Quy định tại Khoản 1, Điều 23 của Luật Đầu tư năm 2020

Đối với tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong đó có ít nhất một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế thì chỉ được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức: Tòa án Việt Nam; Trọng tài Việt Nam; Trọng tài nước ngoài; Trọng tài quốc tế; Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập².

Các quy định nêu trên cho thấy đương sự có quyền thỏa thuận lựa chọn tòa án để giải quyết tranh chấp giữa các bên thuộc phạm vi các văn bản chuyên biệt này điều chỉnh. Đối với các tranh chấp về đầu tư, pháp luật Việt Nam không cho phép các bên được chọn tòa án nước ngoài giải quyết.

Tuy nhiên, trường hợp này có thể dẫn đến tòa án nước ngoài xem xét lại thẩm quyền của tòa án Việt Nam theo nguyên tắc thẩm quyền thích hợp và thẩm quyền không thích hợp và có thể xảy ra trường hợp bản án của tòa án Việt Nam không được công nhận ở nước ngoài.

Thứ hai, trong trường hợp, vừa có thỏa thuận chọn tòa án Việt Nam, vừa có thỏa thuận chọn trọng tài Việt Nam

Theo quy định tại Điều 472, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, thì không loại trừ thẩm quyền của trọng tài Việt Nam khi tranh chấp đó thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam. Từ quy định của Điều luật này có thể suy luận, những vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam thì trọng tài Việt Nam vẫn có thẩm quyền giải quyết nếu các bên tranh chấp có thỏa thuận trọng tài một cách hợp pháp. Như vậy, với trường hợp này để xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam hay thuộc thẩm quyền của trọng tài Việt Nam phải xem xét đến quy định của Nghị quyết số 01/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật trọng tài thương mại để phân định thẩm quyền của tòa án hay trọng tài. Do đó, nếu các bên có thỏa thuận trọng tài Việt Nam giải quyết tranh chấp thì trọng tài Việt Nam vẫn có thẩm quyền giải quyết³. Do đó, có thể phát sinh các trường hợp như sau:

Một là, trường hợp điều kiện giao dịch chung của mỗi bên hoặc hợp đồng mẫu có điều khoản về lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp và đó là hai cơ quan khác nhau.

Thực tiễn kinh doanh thương mại cho thấy các bên thường ký kết các hợp đồng vắng mặt thông qua việc gửi đề nghị giao kết hợp đồng (offer) và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng (acceptance) và trong các đề nghị giao kết hợp đồng và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng đó thường quy dẫn đến điều kiện giao dịch chung của mỗi bên hoặc sử dụng hợp đồng mẫu. Khi đó có thể xảy ra trường hợp điều kiện giao dịch chung của mỗi bên hoặc hợp đồng mẫu có điều khoản về lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp (cũng như luật áp dụng) và đó là hai cơ quan

² Trọng tài do các bên tranh chấp thỏa thuận thành lập như trọng tài trong khuôn khổ của Hiệp định EVIPA để giải quyết tranh chấp đầu tư giữa các bên.

³ Xem Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐIPTANDTC, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại.

khác nhau. Khi đó sẽ xảy ra xung đột giữa các điều kiện giao dịch chung về thẩm quyền xét xử. Trong trường hợp này cần phải xử lý như thế nào lại là vấn đề bỏ ngỏ.

Điều 38, Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, về hiệu lực của điều khoản trọng tài, quy định như sau: “Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải thông báo về điều khoản trọng tài trước khi giao kết hợp đồng và được người tiêu dùng chấp thuận. Trường hợp điều khoản trọng tài do tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đưa vào hợp đồng theo mẫu hoặc điều kiện giao dịch chung thì khi xảy ra tranh chấp, người tiêu dùng là cá nhân có quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp khác”⁴. Tuy nhiên, các quy định này của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dường như chỉ sử dụng trong trường hợp các tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng tiêu dùng trong nước. Đối với những tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tiêu dùng theo mẫu có yếu tố nước ngoài về nguyên tắc phải xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như trên. Nghị quyết số 01/2014 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật trọng tài thương mại (sau đây gọi là Nghị quyết số 01/2014) quy định trong trường hợp nếu các bên có thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận này là hợp pháp thì tòa án phải trả lại đơn khởi kiện hoặc đình chỉ giải quyết vụ án⁵.

⁴ Xem thêm Điều 38, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

⁵ Khoản 2, Điều 2, Nghị Quyết 01/2014 NQ-HĐTP quy định: “2. Khi có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực quy định tại Điều 2 Luật TTTM thì Tòa án yêu cầu một hoặc các bên cho biết tranh chấp đó các bên có thỏa thuận trọng tài hay không. Tòa án phải kiểm tra, xem xét các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện để xác định vụ tranh chấp đó có thuộc trường hợp hướng dẫn tại Khoản 3 Điều này hay không. Tùy từng trường hợp cụ thể mà Tòa án xử lý như sau:

a) Trường hợp tranh chấp không có thỏa thuận trọng tài hoặc đã có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định, phán quyết có hiệu lực pháp luật của Trọng tài xác định vụ tranh chấp không có thỏa thuận trọng tài thì Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

b) Trường hợp tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận trọng tài không thuộc trường hợp hướng dẫn tại Khoản 3 Điều này thì Tòa án căn cứ quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2011 (sau đây gọi tắt là BLTTDS) để trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho người khởi kiện.

Trường hợp sau khi thụ lý vụ án Tòa án mới phát hiện vụ tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận trọng tài không thuộc trường hợp hướng dẫn tại Khoản 3 Điều này thì Tòa án căn cứ quy định tại Điểm I, Khoản 1, Điều 192, BLTTDS, ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện cho người khởi kiện.

c) Trường hợp đã có yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp và Hội đồng trọng tài đang giải quyết vụ tranh chấp thì dù Tòa án nhận thấy tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài hoặc tuy đã có thỏa thuận trọng tài nhưng thuộc trường hợp hướng dẫn tại Khoản 3 điều này mà người khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, trường hợp Tòa án đã thụ lý thì ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án, trừ trường hợp Tòa án thụ lý vụ tranh chấp trước khi có yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp. Sau khi có quyết định, phán quyết của Hội đồng trọng tài quy định tại các Điều 43, 58, 59 và 61, Luật TTTM mà người khởi kiện có yêu cầu Tòa án giải quyết, thì Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”.

Hai là, trong trường hợp nếu các bên vừa có thỏa thuận lựa chọn tòa án, vừa có thỏa thuận chọn trọng tài.

Nghị quyết 01/2014 quy định tại Khoản 4, Điều 2, như sau: Trường hợp người khởi kiện yêu cầu trọng tài giải quyết tranh chấp trước khi yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu trọng tài giải quyết tranh chấp khi tòa án chưa thụ lý vụ án quy định tại Điểm b, Khoản 4, điều này thì tòa án căn cứ quy định tại Điều 6, Luật trọng tài thương mại năm 2010, để từ chối thụ lý, giải quyết. Trong trường hợp này, khi nhận được đơn khởi kiện tòa án phải trả lại đơn khởi kiện, nếu đã thụ lý vụ án thì căn cứ quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 192, Bộ luật tố tụng dân sự, ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án vì không thuộc thẩm quyền của tòa án, trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện.

Trường hợp người khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp, thì ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện, tòa án phải xác định một trong các bên đã yêu cầu trọng tài giải quyết hay chưa. Trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện mà tòa án xác định người bị kiện, người khởi kiện đã yêu cầu trọng tài giải quyết tranh chấp thì tòa án trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, trường hợp người bị kiện, người khởi kiện chưa yêu cầu trọng tài giải quyết tranh chấp thì tòa án xem xét thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

Trường hợp tòa án đã thụ lý vụ án mà phát hiện tranh chấp đã có yêu cầu trọng tài giải quyết trước thời điểm tòa án thụ lý vụ án thì tòa án căn cứ quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 192, Bộ luật tố tụng dân sự, ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án, trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện⁶.

Quy định này của Nghị quyết 01/2014 dường như có xu hướng ưu tiên trọng tài hơn là tòa án, cũng vì vậy mà nếu phân định thẩm quyền của tòa án và trọng tài trong việc giải quyết xung đột thẩm quyền đối với các hợp đồng mẫu (như hợp đồng tiêu dùng) hay các điều kiện giao dịch chung có quy định về điều khoản giải quyết tranh chấp thì dường như quy định mang hơi hướng ưu tiên trọng tài giải quyết các vụ việc này lại là chưa thực sự hợp lý.

3. Xác định và áp dụng pháp luật giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế

Thứ nhất, về thỏa thuận chọn luật áp dụng

Điều 683, Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: Các bên trong quan hệ hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của điều này.

⁶ Khoản 4, Điều 2, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật trọng tài thương mại.

Với quy định này, Bộ luật dân sự cho phép các bên trong hợp đồng thương mại quốc tế được quyền thỏa thuận chọn luật áp dụng để điều chỉnh hợp đồng.

Điều này cũng được các văn bản pháp luật chuyên ngành quy định như quy định tại Khoản 5, Điều 5, Luật Đầu tư năm 2020: Đối với hợp đồng trong đó có ít nhất một bên tham gia là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1, Điều 23 của Luật Đầu tư, các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng việc áp dụng pháp luật nước ngoài hoặc tập quán đầu tư quốc tế nếu thỏa thuận đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

Như vậy, pháp luật Việt Nam cho phép các bên được quyền thỏa thuận chọn luật áp dụng điều chỉnh hợp đồng thương mại quốc tế giữa các bên. Tuy nhiên, không phải trường hợp nào các bên cũng có quyền thỏa thuận chọn luật áp dụng. Điều 683 Bộ luật dân sự năm 2015 không cho phép các bên được lựa chọn pháp luật áp dụng nếu rơi vào các trường hợp thuộc Khoản 4, 5, 6...⁷ Tương tự như vậy, luật đầu tư cũng chỉ cho phép các bên được quyền thỏa thuận chọn luật nước ngoài đối với hợp đồng trong đó có ít nhất một bên tham gia là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế quy định tại Khoản 1, Điều 23 của Luật Đầu tư⁸.

Tuy nhiên, Bộ luật dân sự năm 2015 vẫn còn bỏ ngỏ hay nói đúng hơn là thiếu các quy định về hình thức thỏa thuận lựa chọn luật áp dụng của các bên trong hợp đồng thương mại quốc tế. Liệu sự thỏa thuận này phải thể hiện bằng văn bản, hay có thể được thiết lập bằng hành vi, hoặc thậm chí là sự “ngầm định”⁹ [7].

⁷ Khoản 4, 5, 6, Điều 683, Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: 4. Trường hợp hợp đồng có đối tượng là bất động sản thì pháp luật áp dụng đối với việc chuyển giao quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là bất động sản, thuê bất động sản hoặc việc sử dụng bất động sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là pháp luật của nước nơi có bất động sản.

5. Trường hợp pháp luật do các bên lựa chọn trong hợp đồng lao động, hợp đồng tiêu dùng có ảnh hưởng đến quyền lợi tối thiểu của người lao động, người tiêu dùng theo quy định của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng.

6. Các bên có thể thỏa thuận thay đổi pháp luật áp dụng đối với hợp đồng nhưng việc thay đổi đó không được ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba được hưởng trước khi thay đổi pháp luật áp dụng, trừ trường hợp người thứ ba đồng ý.

⁸ Điều 23. Thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

1. Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC nếu tổ chức kinh tế đó thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

b) Có tổ chức kinh tế quy định tại Điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại Điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

⁹ Vũ Thị Hương, Lê Hồng Sơn (2015), Hình thức và thời điểm chọn luật áp dụng trong tư pháp quốc tế Việt Nam, Tạp chí nghiên cứu lập pháp.

Ngoài ra, Bộ luật dân sự năm 2015 cũng như các văn bản pháp luật chuyên ngành cũng chưa có quy định về hiệu lực của thỏa thuận chọn luật cũng như hình thức và thời điểm lựa chọn pháp luật.

Thứ hai, về điều kiện áp dụng pháp luật nước ngoài

Pháp luật nước ngoài chỉ được áp dụng nếu thỏa mãn điều kiện nếu hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Đây là điều kiện quan trọng nhằm bảo vệ nguyên tắc cơ bản của quốc gia có toà án không bị ảnh hưởng bởi pháp luật nước ngoài.

Bên cạnh điểm tiến bộ của Bộ luật dân sự năm 2015 trong cách quy định về điều kiện này, vẫn tồn tại những điểm chưa đồng nhất trong cách quy định của các văn bản pháp luật Việt Nam. Cụ thể, Khoản 2, Điều 5, Luật Thương mại năm 2005, quy định: “Các bên trong giao dịch thương mại có yếu tố nước ngoài được thỏa thuận áp dụng pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế nếu pháp luật nước ngoài, tập quán thương mại quốc tế đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.”; hay Khoản 3, Điều 5, Bộ luật Hàng hải năm 2015, quy định: “luật nước ngoài có thể được áp dụng tại Việt Nam đối với quan hệ hợp đồng liên quan đến hoạt động hàng hải, nếu luật đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Thông qua những điều luật trên có thể thấy điều kiện áp dụng pháp luật nước ngoài được thể hiện dưới nhiều hình thức và cách quy định khác nhau ở mỗi văn bản pháp luật. Ở Bộ luật dân sự năm 2015, điều kiện được ghi nhận là hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, thế nhưng một số văn bản pháp luật chuyên ngành khác lại khẳng định luật nước ngoài chỉ được áp dụng nếu bản thân nội dung pháp luật nước ngoài đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Việc quy định không đồng nhất như hiện nay sẽ dẫn đến những cách hiểu và những cách vận dụng khác nhau trên thực tế khi Toà án cần áp dụng pháp luật nước ngoài. Vì vậy, có thể xem đây là điểm chưa hợp lý trong cách xây dựng các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này.

Bên cạnh đó, khái niệm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” vẫn được ghi nhận theo những quy định trước đây. Hiện nay chưa có một văn bản cụ thể nào giải thích một cách chính thức như thế nào là nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Theo đó, cần có văn bản giải thích khái niệm này để toà án có thể dễ dàng áp dụng trên thực tế cũng như tránh sự tùy tiện khi giải quyết vụ việc.

3. Một số định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Từ các phân tích như trên, chúng tôi đưa ra một số định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài như sau:

Thứ nhất, bổ sung quy định về hình thức và thời điểm thỏa thuận lựa chọn tòa án vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và xác định tính độc lập của điều khoản thỏa thuận lựa chọn tòa án so với hợp đồng kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài.

Thứ hai, Điểm c, Khoản 1, Điều 470 cần thống nhất với các quy định cho phép thỏa thuận lựa chọn tòa án Việt Nam trong Luật Đầu tư, Luật Hàng không dân dụng, Bộ luật hàng hải... Do đó, cần loại bỏ các quy định về xác định thẩm quyền của tòa án Việt Nam trong các văn bản pháp luật chuyên ngành này và thống nhất đưa vào các quy định chung trong Bộ luật tố tụng dân sự tránh trường hợp các quy định này nằm tản mạn, rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau.

Điều 14, Luật đầu tư năm 2014, quy định tiêu chí xác định thẩm quyền của tòa án giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam, mặc dù điều luật không rõ nhưng có thể xác định là thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam nhưng trường hợp này lại không được quy định trong Khoản 1, Điều 470, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, dẫn đến khó khăn trong giải quyết tranh chấp.

Nên chỉ quy định hạn chế quyền thỏa thuận lựa chọn tòa án của các bên đối với các tranh chấp về đầu tư liên quan đến tài nguyên thiên nhiên trong nước thì thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam. Bồi lẽ các tranh chấp về đầu tư thường liên quan đến các tài sản trên lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là các bất động sản, giá trị tài sản thường là rất lớn và thường liên quan đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quy định những trường hợp này thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam sẽ đảm bảo được quyền tự định đoạt của Việt Nam đối với các tài nguyên thiên nhiên trong lãnh thổ Việt Nam, không vi phạm chủ quyền, an ninh và lợi ích công cộng của Nhà nước... loại bỏ thỏa thuận lựa chọn tòa án nước ngoài của các bên tranh chấp. Còn đối với các trường hợp khác thì nên cho phép các bên được quyền thỏa thuận lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp. Do đó, sẽ không làm hạn chế quyền tự định đoạt của các bên và phù hợp hơn với xu thế phát triển chung. Vì vậy, Điều 470 cần bổ sung thêm trường hợp “Vụ án dân sự đó liên quan đến nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam thì thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam” là cần thiết, có tính thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết những tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

Thứ ba, các vụ việc liên quan đến người tiêu dùng và người lao động chưa được ghi nhận cụ thể tiêu chí xác định thẩm quyền của tòa án trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên được coi là “yếu thế” hơn trong các vụ việc liên quan đến hợp đồng tiêu dùng và hợp đồng lao động. Cần bổ sung vào Điều 472, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trường hợp liên quan đến người tiêu dùng và người lao động theo hướng tòa án nước ngoài được lựa chọn giải quyết tranh chấp nhưng nếu người tiêu dùng (trong hợp đồng tiêu dùng) hoặc

người lao động (trong hợp đồng lao động) lại nộp đơn yêu cầu tòa án Việt Nam giải quyết thì tòa án Việt Nam vẫn có thẩm quyền giải quyết.

Đối với trường hợp các bên vừa có thỏa thuận lựa chọn tòa án, vừa có thỏa thuận lựa chọn trọng tài thì vẫn ưu tiên theo sự lựa chọn cơ chế giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng.

Thứ tư, các khía cạnh liên quan đến pháp luật áp dụng khi các bên có thỏa thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng nói chung và hợp đồng dân sự có yếu tố nước ngoài nói riêng cũng chưa được quy định cụ thể, rõ ràng. Vấn đề nguồn luật được các bên tranh chấp lựa chọn có thể điều chỉnh từng phần riêng lẻ của hợp đồng hay không vẫn là vấn đề còn bỏ ngỏ. Khoản 1, Điều 683, trong Bộ luật dân sự năm 2015, chưa thể hiện được phạm vi áp dụng của nguồn luật được lựa chọn đối với hợp đồng là áp dụng cho toàn bộ hay có thể áp dụng từng phần của hợp đồng. Nội dung này hầu như không được đề cập trong Bộ luật dân sự năm 2015 và trong luật chuyên ngành có liên quan.

Bộ luật dân sự năm 2015 cho phép các bên thỏa thuận chọn luật áp dụng. Tuy nhiên, điều kiện áp dụng pháp luật được các bên thỏa thuận lựa chọn lại không được Điều 683 quy định. Do đó, cần có quy định cụ thể về điều kiện thỏa thuận chọn luật áp dụng của các bên giống như trường hợp thỏa thuận lựa chọn tòa án đã nêu ở trên.

Theo đó, pháp luật nên quy định theo hướng các bên có thể thỏa thuận lựa chọn pháp luật để điều chỉnh quan hệ hợp đồng bất kì thời điểm nào và có thể thay đổi sự lựa chọn này nhưng không được làm ảnh hưởng đến tính hợp pháp hoặc hiệu lực của hợp đồng hoặc ảnh hưởng bất lợi đến quyền của bên thứ ba. Lưu ý là hình thức của sự thay đổi việc lựa chọn pháp luật này cũng nên quy định theo hướng tự do về hình thức. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tiễn xét xử của tòa án và trọng tài Việt Nam: khi Tòa án hoặc Trọng tài áp dụng pháp luật khác pháp luật mà các bên đã lựa chọn nhưng các bên không có ý kiến phản đối thì coi như đã thay đổi sự lựa chọn pháp luật một cách “ngầm định”.

Thứ năm, sửa đổi các quy định của các văn bản chuyên ngành về trường hợp không áp dụng pháp luật nước ngoài theo hướng thống nhất trong Bộ luật dân sự năm 2015 “không áp dụng pháp luật nước ngoài nếu hậu quả của việc áp dụng pháp luật nước ngoài trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”.

4. Kết luận

Hoàn thiện pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế sẽ tạo một môi trường pháp lý hoàn thiện và đầy đủ trong quá trình thực thi và giải quyết các tranh chấp thương mại có yếu tố nước ngoài. Điều đó giúp các cá nhân, nhà đầu tư trong nước cũng như thương nhân hay nhà đầu tư nước ngoài có một tâm lý an tâm hơn với cơ chế giải quyết tranh chấp theo

pháp luật quốc gia để từ đó có thể tăng cường sự hợp tác cũng như mở rộng quan hệ thương mại giữa các thương nhân Việt Nam với các bạn hàng khác trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, truy cập ngày 10-2-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-bao-ve-quyen-loi-nguoi-tieu-dung-2010-115251.aspx>.
4. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật Đầu tư*, truy cập ngày 12-2-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx>
5. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật Trọng tài thương mại*, truy cập ngày 15-2-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-Trong-tai-thuong-mai-2010-108083.aspx>.
6. Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP/TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại Hội đồng thẩm phán Toà án nhân tối cao, Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP/TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại, truy cập ngày 17-2-2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-01-2014-NQ-HDTP-huong-dan-Luat-Trong-tai-thuong-mai-234283.aspx>.
7. Vũ Thị Hương, Lê Hồng Sơn (2015), Hình thức và thời điểm chọn luật áp dụng trong tư pháp quốc tế Việt Nam, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, Số 19, Tr. 24.